

KINH NGHIỆM ĐÁNH GIÁ THI HÀNH PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH Ở MỘT SỐ NƯỚC

1. Kinh nghiệm ở Hoa Kỳ

Một trong những quốc gia đi tiên phong trong việc thể chế hóa cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước (mà kỳ thực cũng không khác nhiều lắm với việc đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước) là Hoa Kỳ.

Đạo luật về Kết quả và thành tích hoạt động của chính quyền (“Government Performance and Results Act”) năm 1993, được ký ban hành dưới thời Tổng thống Bill Clinton (Bill Clinton) là một ví dụ điển hình.

Đạo luật năm 1993 được ban hành trong bối cảnh Nghị viện Hoa Kỳ, qua các nghiên cứu của mình cho thấy:

- Tình trạng lãng phí và kém hiệu năng trong các chương trình thực thi pháp luật của chính quyền liên bang làm suy giảm niềm tin của nhân dân Mỹ vào chính quyền, cũng như làm giảm năng lực của chính quyền liên bang trong việc đáp ứng, giải quyết một cách hữu hiệu/ đầy đủ các nhu cầu thiết yếu của công chúng;

- Các nhà quản trị trong chính quyền rất khó thực hiện đầy đủ chức trách để cải thiện hiệu quả và hiệu lực của các chương trình thực thi pháp luật nếu như các chương trình thực thi pháp luật này không định rõ mục tiêu của chương trình cũng như thiếu các thông tin đầy đủ về thành tích/kết quả thực tế mà chương trình mang lại;

- Năng lực lập pháp và giám sát của Nghị viện cũng bị ảnh hưởng tiêu cực nếu Nghị viện không chú ý đầy đủ tới các kết quả và thành tích thực thi các chương trình thi hành pháp luật.

Việc ban hành đạo luật này nhằm đạt được 6 mục đích cơ bản sau: *Thứ nhất*, cải thiện niềm tin của người dân đối với năng lực của chính quyền Liên bang thông qua việc nâng cao trách nhiệm giải trình, buộc các cơ quan của Liên bang phải chịu trách nhiệm (một cách có hệ thống) để đạt được các kết quả của chương trình. *Thứ hai*, khởi xướng các hoạt động cải thiện hiệu quả hoạt động

(thành tích) của các chương trình triển khai thực thi pháp luật, với việc thực hiện một số các dự án thí điểm, trong đó có thực hiện việc: xác định rõ mục tiêu chương trình, đo lường/so sánh kết quả thực thi trong thực tế với mục tiêu, và báo cáo công khai về mức tiến bộ/điển tiến của các chương trình này. Thứ ba, cải thiện hiệu lực của các chương trình Liên bang và trách nhiệm giải trình trước công chúng bằng việc chú trọng vào kết quả, chất lượng phục vụ, và thỏa mãn khách hàng. Thứ tư, giúp các nhà quản trị của Liên bang cải thiện việc cung ứng dịch vụ, bằng việc buộc họ phải có các kế hoạch đáp ứng mục tiêu của các chương trình và cung cấp cho họ các thông tin về kết quả chương trình và chất lượng dịch vụ/phục vụ của chương trình. Thứ năm, cải thiện chất lượng ra quyết định của Nghị viện bằng việc cung cấp thêm các thông tin khách quan về mức độ đạt được mục tiêu của các đạo luật đã đề ra, và về hiệu quả/hiệu lực tương đối của các chương trình của Liên bang so với việc chi tiêu trong các chương trình này. Thứ sáu, cải thiện chất lượng quản trị nội bộ của chính quyền liên bang.

Theo quy định của đạo luật này, trong vòng 4 năm, cho tới trước ngày 30-9-1997, Người đứng đầu các cơ quan trong ngành Hành pháp (ngoại trừ Cục tình báo Liên bang và một vài cơ quan đặc biệt khác) phải cung cấp cho Văn phòng Quản lý và Ngân sách (The Office of Management and Budget - OMB, một cơ quan thuộc Phủ Tổng thống), và cho Nghị viện một chương trình tổng thể về các hoạt động trong đó, phải chứa đựng 5 loại thông tin cơ bản sau:

- Một bản tuyên bố về sứ mệnh chung của cơ quan (trên cơ sở các chức năng và hoạt động chính của cơ quan này);
- Các mục tiêu chung mà cơ quan này được thiết lập để đáp ứng;
- Bản mô tả cách thức để đạt được các mục tiêu này (bao gồm cả sự mô tả về quy trình hoạt động, các kỹ năng, công nghệ, các nguồn lực để con người/vốn/thông tin và các nguồn lực khác cần sử dụng để đạt mục tiêu);
- Nhận diện các yếu tố bên ngoài hoặc các rủi ro có thể gặp phải làm ảnh hưởng tới khả năng đạt mục tiêu đã đặt ra;
- Mô tả về cách thức đánh giá về việc thực hiện chương trình/kế hoạch và lộ trình đánh giá.

Khung chương trình tổng thể này được quy định có thời hạn ít nhất là 5 năm và có thể được cập nhật, bổ sung sau mỗi niên độ 3 năm. Việc xây dựng chương trình tổng thể này được quy định phải có sự tham vấn với Nghị viện và các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chương trình. Thực hiện các quy định này, hằng năm, theo yêu cầu của Giám đốc Văn phòng Quản lý và Ngân sách (OMB), các cơ quan của Chính phủ Hoa Kỳ phải chuẩn bị một kế hoạch hoạt động thường niên gắn liền với dự toán ngân sách hoạt động của cơ quan, trong đó phải nêu rõ: (1) Các mục tiêu hoạt động và dự kiến khả năng đạt được mục tiêu; (2) Các mục tiêu đó phải được thể hiện dưới các chỉ tiêu/hình thức mang tính khách quan, có thể đo lường/lượng hóa được; (3) Mô tả vắn tắt quy trình hoạt động, các kỹ năng và công nghệ, các nguồn lực về nhân lực/vốn/thông tin và các nguồn lực khác cần phải có để đạt được mục tiêu; (4) Xác định các chỉ tiêu đánh giá thành tích của chương trình, để đo lường/đánh giá sản phẩm đầu ra, mức phục vụ, kết quả mang lại của mỗi hoạt động trong chương trình; (5) Cung cấp cơ sở để so sánh kết quả thực tế của chương trình với kết quả dự kiến trước đó trong chương trình; (6) Mô tả phương thức được sử dụng để kiểm chứng và hiệu lực hóa các giá trị được đo lường”. Trường hợp có cơ quan cho rằng, cơ quan đó không thể thể hiện các mục tiêu của chương trình mình triển khai bằng các hình thức khách quan, lượng hóa/đo lường được, thì cơ quan này phải báo cáo với Giám đốc OMB về lý do của tình trạng ấy và tìm phương án khác thay thế (bằng cách xác định tiêu chí đánh giá một chương trình có hiệu lực tối thiểu và một chương trình được coi là thành công).

Hằng năm, trước ngày 31/3, lãnh đạo của cơ quan phải báo cáo với Tổng thống và Nghị viện Hoa Kỳ về kết quả/thành tích hoạt động của cơ quan mình trong năm tài chính trước đó. Báo cáo này phải nêu rõ:

(1) Kiểm điểm lại mức độ thành công trong việc đáp ứng mục tiêu hoạt động trong năm tài chính; (2) Đánh giá kế hoạch hoạt động cho năm tài chính hiện tại so với năm tài chính trước đó; (3) Giải thích, mô tả nguyên nhân vì sao có mục tiêu nào đó đã không đạt được và kế hoạch khắc phục để đạt được mục tiêu trong thời gian tới (trường hợp mục tiêu thuộc vào loại không thể đạt được thì cũng phải có giải thích lý do và kiến nghị hướng xử lý).

Năm 2011, Tổng thống Obama ký đạo luật mới về Kết quả và thành tích hoạt động của chính quyền (Government Performance and Results Act of 2011) thay cho đạo luật năm 1993 với nhiều sự bổ sung theo hướng làm rõ hơn và chi tiết hơn các nội dung mà việc xây dựng kế hoạch hoạt động và việc xây dựng báo cáo đánh giá hằng năm phải thực hiện. Thông tin về thực tiễn triển khai đạo luật GPRA được đăng tải tại website <http://georgewbush-whitehouse.archives.gov>. Theo website này, trong năm 2008, OMB đã (phối hợp với các bộ, ngành trung ương) tiến hành đánh giá 1.015 chương trình (dự án) triển khai bởi các bộ, ngành trung ương (tương đương khoảng 98% số dự án/chương trình mà các bộ, ngành này triển khai). Kết quả đánh giá được xếp thành hai mục chính là: (1) Có mang lại kết quả (“Performing”); và (2) Không mang lại kết quả (“Not performing”).

Các dự án được coi là mang lại kết quả, được chia thành ba hạng:

- *Hạng 1*: Mang lại hiệu quả cao (“effective”): đây là thứ hạng cao nhất khi đánh giá một chương trình. Những chương trình này phải đáp ứng mấy tiêu chuẩn cơ bản như: có mục tiêu cao (tham vọng), đã đạt được mục tiêu ấy, được quản lý tốt (“well-managed”) và cải thiện được tính hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- *Hạng 2*: Mang lại hiệu quả vừa phải (“moderately effective”): Loại chương trình này cũng phải thỏa mãn yếu tố là có mục tiêu cao (tham vọng), được quản lý tốt tuy nhiên hiệu quả sử dụng nguồn lực thì vẫn có điểm có thể cải thiện thêm và qua đó kết quả của chương trình vẫn có thể làm tốt hơn nữa.

- *Hạng 3*: Mang lại hiệu quả vừa đủ (“adequate”): đối với dự án này, tuy mang lại kết quả dự kiến, nhưng đáng lẽ phải được đặt mục tiêu tham vọng hơn nữa (cao hơn nữa), và có thể cải thiện kết quả tốt hơn nữa, đồng thời cần cải thiện trách nhiệm giải trình và củng cố thêm các quy tắc và thực tiễn quản lý chương trình.

Loại chương trình/dự án không mang lại kết quả: được chia làm 2 dạng chính là (1) Không hiệu quả (“ineffective”): tức là không đạt được kết quả dự kiến do mục tiêu không được xác định rõ ràng, hoặc do quản lý kém, hoặc những yếu kém khác; (2) Không bộc lộ kết quả (“result not demonstrated”): đây

là các chương trình/dự án mà không có thông tin để đánh giá một cách đáng tin cậy.

Việc đánh giá này được OMB sử dụng một công cụ xếp điểm đánh giá chương trình (“the Program Assessment Rating Tool” - PART). Đây là một bảng khoảng trên 20 câu hỏi quan trọng để thu thập thông tin về thành tích hoạt động của chương trình và quá trình quản lý chương trình. Bộ câu hỏi này được thiết kế để hỏi về: (1) Mục tiêu của chương trình (có rõ ràng không); (2) Thiết kế của chương trình/cấu trúc của chương trình (cấu trúc đó có logic để đạt được mục tiêu của chương trình không); (3) Công việc lập kế hoạch trong chương trình (có nêu rõ mục tiêu dài hạn và ngắn hạn cho từng giai đoạn và lộ trình thực hiện không);

Quản lý chương trình (có tiến hành việc giám sát tài chính và các nỗ lực cải thiện chương trình không); (5) Kết quả mang lại của chương trình (lưu ý tới yếu tố nhân quả) (các kết quả này có thể đo lường với độ tin cậy và tính nhất quán không); (6) Trách nhiệm giải trình. Đây là các yếu tố cơ bản để đánh giá mức độ hiệu quả của một chương trình. Dưới đây là một số câu hỏi mẫu: (1) Chương trình được đánh giá có giải quyết vấn đề hoặc nhu cầu đang hiện hữu và xác định không?; (2) Chương trình này có được thiết kế để bảo đảm rằng nó không thừa hoặc chồng chéo/trùng lẫn các chương trình khác đã có không?; (3) Chương trình có thiết kế hệ chỉ tiêu đo lường thành tích hoạt động của chương trình dựa vào các kết quả đầu ra phản ánh đầy đủ trong mục tiêu của chương trình không?; (4) Chương trình có các mục tiêu tham vọng (mục tiêu cao) và khung thời gian để đo lường hiệu quả dài hạn không?; (5) Chương trình có đạt được kết quả dự kiến hằng năm không?; (6) Các đánh giá độc lập có chất lượng (và đủ về nội dung) có được tiến hành thường xuyên hoặc để phục vụ việc cải thiện chương trình không?; (7) Các yêu cầu về ngân sách trong chương trình có liên quan trực tiếp với việc hoàn thành các mục tiêu hằng năm và dài hạn không? Các nhu cầu về nguồn lực có được thể hiện theo cách thức toàn diện và minh bạch trong ngân sách của chương trình không?; (8) Chương trình có sử dụng thực hành quản trị tài chính lành mạnh không?; (9) Chương trình có chứng tỏ được rằng luôn mang lại sự tiến bộ theo chiều hướng tích cực để hiện thực hóa mục tiêu dài hạn của chương trình không?; (10) Hằng năm, chương trình có

chứng tỏ được sự cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn lực hoặc tiết kiệm chi phí hay không?

Các câu trả lời cho các câu hỏi sau đó được quy về thang điểm từ 0 đến 100. Ý nghĩa của từng thang điểm như sau: (1) Hiệu quả cao tương ứng với mức điểm từ 85 tới 100; (2) Hiệu quả vừa phải tương ứng với mức điểm 70-84; (3) Hiệu quả vừa đủ tương ứng với mức điểm 50-69; và (4) Không hiệu quả tương ứng với mức điểm 0-49. Kết quả đánh giá 1.015 Chương trình liên bang trong năm 2008 cho thấy, có 193 chương trình (chiếm 19,01%) là “đạt hiệu quả cao” (“effective”), 326 chương trình (chiếm 32,11%) là “đạt hiệu quả vừa phải” (“moderately effective”), 297 chương trình (chiếm 29,26%) là “đạt hiệu quả vừa đủ” (vừa đạt) (“adequate”), và 26 chương trình (chiếm 2,56%) là “hoàn toàn không hiệu quả” (“ineffective”) cùng với 173 chương trình (chiếm 17,04%) là “không bộc lộ kết quả” (“results not demonstrated”).

Dưới đây là một số ví dụ về các công cụ đo lường hiệu quả hoạt động (“performance measures”)

Ví dụ 1: Bộ công cụ đo của Bộ Nông nghiệp (“US Department of Agriculture” - USDA):

Chương trình	Công cụ đo lường hiệu quả hoạt động	Giải thích
Chương trình “Giám sát sức khỏe động và thực vật”	<p>Kết quả đầu ra : tỷ lệ % sinh vật gây hại (về kinh tế hoặc sinh thái một cách nghiêm trọng) được phát hiện trước khi chúng phát tán ra khỏi khu vực tồn tại ban đầu của chúng.</p>	<p>Mục đích các chương trình giám sát của USDA là định vị những nơi bị xâm thực bởi sinh vật gây hại trước khi chúng bị phát tán một cách phổ biến (không kiểm soát được).</p>

<p>“Các tiện ích dịch vụ viễn thông nông thôn.</p>	<p>Kết quả đầu ra: Tỷ lệ% số người đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông nông thôn tiếp nhận dịch vụ mới hoặc dịch vụ đã được nâng cấp.</p>	<p>Mục đích của chương trình này là để cải thiện và mở rộng hoạt động viễn thông ở các khu vực nông thôn. Thước đo này trực tiếp liên quan tới mục đích này. Khi các mục tiêu được xác lập, thước đo này sẽ chỉ ra được xem liệu rằng chương trình có mang lại kết quả dự kiến ban đầu không. Thêm vào đó, qua thời gian, thước đo này sẽ cung cấp thông tin về tỷ phần người dân ở nông thôn được hưởng lợi từ các khoản vay thực hiện trong chương trình. Thước đo này hỗ trợ sứ mệnh của cơ quan trong việc phát triển nông thôn. Hoạt động này được đo lường bằng việc sử dụng một công thức dựa trên số lượng người đăng ký được hỗ trợ bởi những khoản cho vay mới chia cho tổng số người đăng ký dịch vụ viễn thông ở nông thôn. Dữ liệu này là dữ liệu có thể kiểm chứng được từ các hồ sơ lưu trữ của các tổ chức có liên quan.</p>
<p>Chương trình “Dịch vụ thanh tra và bảo đảm an toàn thực phẩm”</p>	<p>Kết quả đầu ra: Sự giảm đi số trường hợp mang bệnh từ thực phẩm có liên quan tới thịt, gia cầm và trứng</p>	<p>Mục đích của chương trình là bảo đảm rằng sự cung ứng thịt, gia cầm, và trứng bằng con đường thương mại là an toàn, được đóng gói và ghi nhãn một cách đúng đắn. Chỉ tiêu cơ bản về tính hữu hiệu của chương trình là liệu có phải rằng số người mắc bệnh liên quan tới thực phẩm (chẳng hạn nhiễm khuẩn E. Coli, V. V..) thực sự giảm đi hay không. Dữ liệu được sử dụng chính là các số liệu về số vụ mắc bệnh liên quan tới thực phẩm được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận. Các</p>

		phân tích thêm có thể tiến hành bao gồm việc nghiên cứu về mối liên hệ giữa những thay đổi trong số lượng các vụ mắc bệnh và các biện pháp kiểm soát của chương trình. Đây là một thước đo mang tính dài hạn, sử dụng số liệu theo dõi của từng năm để đánh giá.
--	--	--

Ví dụ 2: Bộ công cụ đo của Bộ Thương mại (“US Department of Commerce” - USDOC):

ChươngTrình	Công cụ đo lường hiệu quả hoạt động	Giải thích
Chương trình “quản trị việc phát triển kinh tế”	Kết quả đầu ra: Số lượng công việc được tạo mới hoặc được giữ lại trong các cộng đồng bị suy trầm về kinh tế (với tư cách là kết quả các khoản đầu tư của chương trình EDA) ¹	Mục đích của chương trình này là tạo mới hoặc duy trì/giữ lại các công việc trong các cộng đồng đang có suy trầm về kinh tế. Chỉ tiêu then chốt về tính hữu hiệu của chương trình là số lượng công việc thực tế được tạo thêm hoặc được giữ lại nhờ kết quả các khoản đầu tư của chương trình EDA. Chương trình EDA sử dụng dữ liệu được thu thập và tính toán bởi những người nhận được khoản hỗ trợ từ chương trình có trừ đi một số lượng là 25% được coi là

		<p>sản phẩm của những yếu tố bên ngoài, trong đó có yếu tố liên quan tới tình trạng kinh tế chung của bang. Khoản trừ đi (25%) đó dựa trên nghiên cứu cho rằng, khoản tiền từ EDA thực chất chỉ chịu trách nhiệm đối với việc tạo ra 75% số lượng việc làm tạo ra trong các dự án do EDA đầu tư. Đây là một thước đo về kết quả đầu ra mang tính dài hạn nhằm xác định số lượng công việc tính theo thời kỳ 3, 6 hoặc 9 năm.</p>
--	---	--

Ví dụ 3: Bộ nhà ở và phát triển đô thị (“Department of Housing and Urban Development” - HUD):

Chương Trình	Công cụ đo lường hiệu quả hoạt động	Giải thích
Chương trình “Hỗ trợ người vô gia cư”	Kết quả đầu ra: 1. Số lượng cá nhân thường xuyên thuộc loại vô gia cư giảm 50% sau 5 năm kể từ khi thực hiện chương trình. 2. Tỷ lệ % những cá nhân trước đây từng là vô gia cư vẫn được ở trong các nhà thuộc chương trình trong ít	Mục đích của chương trình này là giúp đỡ những hộ gia đình và cá nhân vô gia cư có được chỗ ở thường xuyên hơn và có thể có cuộc sống tự lập. Những thước đo hiệu quả này kết hợp thước đo về kết quả đầu ra đại diện cho một trong số các mục tiêu chiến lược của HUD cùng với 3 tiêu chuẩn

	<p>nhất 6 tháng liền đạt 70%.</p> <p>3. Tỷ lệ% người vô gia cư đã chuyển từ các nhà tạm trú của HUD sang nhà thường trú của HUD đạt 60%.</p> <p>4. Tỷ lệ việc làm của người rời khỏi dự án hỗ trợ người vô gia cư của HUD đạt 10% cao hơn so với tỷ lệ việc làm của người tham gia vào chương trình hỗ trợ.</p>	<p>đo mô tả về sự thành công trong các chiến lược nền tảng để đạt mục tiêu: làm cho có thêm người có chỗ ở thường xuyên, duy trì được tình trạng lưu trú thường xuyên trong chỗ ở của mình, và tăng thêm việc làm.</p>
--	---	--

2. Kinh nghiệm ở Hàn Quốc

Trên cơ sở những kinh nghiệm tiên phong của Hoa Kỳ, nhiều quốc gia cũng đã có những văn bản pháp luật tương tự. Trong số đó, phải kể tới Hàn Quốc với việc ban hành Đạo luật khung về đánh giá thành tích hoạt động của chính quyền (“Framework Act on Government Performance Evaluation”) năm 2001. Mục tiêu của đạo luật này chủ yếu hướng tới việc tăng cường tính trách nhiệm, tính hiệu năng/hiệu suất/hiệu quả và hiệu lực của nền quản trị quốc gia (thông qua các thành tố của nó, trước hết là các bộ, ngành ở trung ương và chính quyền địa phương). Mỗi một năm, Nội các có một phiên họp đặc biệt để xem xét, thảo luận về báo cáo đánh giá thành tích hoạt động của chính quyền (Government Performance Evaluation Report). Theo quy định của đạo luật này, các cơ quan hành chính nhà nước phải tiến hành hai loại đánh giá: “tự đánh giá” (“self-evaluation”) và “đánh giá riêng” (“specific evaluation”).

Về tự đánh giá, các bộ, ngành ở trung ương và chính quyền địa phương phải tiến hành hoạt động tự đánh giá hiệu quả thi hành chính sách/pháp luật của bản thân mình. Với các bộ, ngành ở trung ương, việc đánh giá tập trung vào ba lĩnh vực chính là: (1) Các chính sách chủ chốt; (2) Các dự án tài chính; (3) Năng lực tổ chức (trong đó phân tích các khía cạnh cơ bản như: vấn đề quản trị nhân

sự, vấn đề quản lý tổ chức, hoạt động tài chính, mức độ thông tin, vấn đề công bố tiết lộ thông tin, và quản trị sự thay đổi).

Ủy ban đánh giá thành tích của chính quyền (Government Performance Committee - một ủy ban do Nội các thành lập) có trách nhiệm kiểm tra và sửa chữa các tài liệu phục vụ việc tự đánh giá. Nếu ủy ban này thấy kết quả của việc tự đánh giá chưa đạt về tính khách quan và độ tin cậy, thì có thể yêu cầu cơ quan đã tiến hành tự đánh giá phải tiến hành đánh giá lại.

Đánh giá riêng: Thủ tướng (hoặc ủy ban đánh giá thành tích của chính quyền) tiến hành đánh giá các bộ, ngành ở trung ương về các chính sách cần thiết, để bảo đảm việc quản trị nền hành chính quốc gia theo một mô thức nhất quán. Hoạt động đánh giá này hướng vào việc cải cách thể chế/quy tắc (“regulatory reform”), độ hài lòng của khách hàng (“customer satisfaction”) và các chính sách cụ thể của Chính phủ. Hiện tại, khoảng 40 cơ quan cấp bộ thuộc diện phải tiến hành các hoạt động đánh giá chuyên biệt (đánh giá riêng) này.

Việc đánh giá các bộ, ngành ở trung ương được thực hiện theo cách thức như mô tả trong Bảng dưới đây:

Phân loại		Cơ quan phụ trách việc đánh giá	Cơ quan phối hợp
Tự đánh giá	Các chính sách lớn	- ủy ban tự đánh giá (của nội bộ cơ quan)	Văn phòng Thủ tướng
	Dự án tài chính	- ủy ban đánh giá thành tích của chính quyền	Bộ Chiến lược và tài chính
	Năng lực tổ chức		Bộ Hành chính công và an ninh
Đánh giá chuyên biệt (đánh giá riêng)	Cải cách quy chế/thể chế điều tiết	Ủy ban đánh giá thành tích của chính quyền	Văn phòng Thủ tướng
	Độ hài lòng của khách hàng		

	Phân tích các nhiệm vụ cụ thể		
--	-------------------------------	--	--

Việc đánh giá chính quyền địa phương được phân thành 2 loại là đánh giá do các bộ, ngành ở trung ương tiến hành và tự đánh giá bởi chính quyền địa phương như được mô tả trong Bảng dưới đây:

Loại		Cơ quan chịu trách nhiệm đánh giá
Đánh giá bởi các bộ của trung ương	Cùng đánh giá	Được đánh giá chung bởi các bộ của trung ương (do Bộ Hành chính công và an ninh công chủ trì)
	Đánh giá đơn lẻ	Các bộ đơn lẻ tự đánh giá
Tự đánh giá bởi chính quyền địa phương		Do người đứng đầu địa phương tự tiến hành

3. Kinh nghiệm ở Trung Quốc

Đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật thông qua hoạt động đánh giá hiệu quả quản lý hành chính nhà nước là vấn đề thu hút mối quan tâm của xã hội và chính giới Trung Quốc trong những năm gần đây. Những vấn đề được công chúng và chính giới quan tâm gồm: sự yếu kém trong quản lý xã hội và dịch vụ công; chủ nghĩa hình thức, quan liêu, gian lận, lãng phí; tình trạng thiếu ý thức của một bộ phận công chức trong quản lý hành chính và tình trạng tham nhũng trầm trọng ở một số cơ quan, địa phương; tình trạng lạm dụng quyền lực công. Tuy nhiên, do nhiều lý do khác nhau, Trung Quốc chưa ra đời được bộ tiêu chí hoặc chỉ số đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước nói chung của nước này. Hiện tại, Trung quốc mới xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp tỉnh cụ thể như sau:

STT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí thành phẩm
1	Xây dựng và thực hiện thể chế	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo lập hệ thống thể chế cần thiết cho quản lý: số lượng và chất lượng văn bản được xây dựng; mức độ sửa đổi, bổ sung theo thời gian; mức độ hài lòng của doanh nghiệp và công dân đối với hệ thống thể chế; - Mức độ hiệu quả trong áp dụng thể chế vào thực tiễn: Chuyển biến trong quản lý ngành, lĩnh vực; giảm bớt đơn thư khiếu nại, khiếu kiện; chỉ số hài lòng của doanh nghiệp và công dân đối với việc áp dụng hệ thống thể chế.
2	Quản lý nhà nước trên các lĩnh vực	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nội dung quản lý rõ ràng, minh bạch, công khai; - Quy định rõ trách nhiệm quản lý, nội dung quản lý cho mỗi cấp, không chồng chéo, trùng lặp; - Hiệu quả phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý; - Mức độ hài lòng của các đối tượng quản lý trong lĩnh vực quản lý; - Số lượng sai phạm trong quá trình quản lý và các biện pháp xử lý; - Chất lượng đội ngũ công chức làm công tác quản lý.
3	Chất lượng dịch vụ công	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm chất lượng các yếu tố đầu ra của hoạt động cung ứng dịch vụ công; - Hiệu quả (chi phí ngân sách và số lượng dịch vụ); *

		<ul style="list-style-type: none"> - Công bằng; - Cơ chế cam kết bảo đảm chất lượng dịch vụ công; - Có cơ chế tiếp nhận và phản hồi ý kiến; - Có cơ chế thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ; - Mức độ hài lòng của người dân; - Tính kịp thời của dịch vụ công.
4	Mức độ đáp ứng yêu cầu của người dân	<ul style="list-style-type: none"> - Có kênh tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân; - Thông tin đầy đủ về ý kiến được tiếp nhận và kết quả xử lý; - Người dân có thể tiếp cận được người của chính quyền để cung cấp thông tin cần thiết; - Kiến nghị được giải quyết hợp lý; - Sự hài lòng của người dân về kết quả giải quyết kiến nghị, yêu cầu; - Mức độ khiếu nại, khiếu kiện đối với các quyết định hành chính.
5	Kiểm soát tham nhũng	
6	Hiệu quả kinh tế - xã hội	

Từ kinh nghiệm quốc tế trong việc đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước mô tả và phân tích ở trên có thể rút ra một số kết luận cơ bản sau đây:

Thứ nhất, việc đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được các quốc gia và các tổ chức quốc tế quan tâm thực hiện với nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Hoạt động đánh giá này có thể

do cơ quan nhà nước cấp trên thực hiện để đánh giá cơ quan cấp dưới hoặc được các viện nghiên cứu, các tổ chức độc lập thực hiện để đánh giá hiệu quả hoạt động thi hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước. Tuy nhiên, các hoạt động đánh giá mang tính chính thông thường do cơ quan hành chính nhà nước cấp trên tiến hành để đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới hoặc do các cơ quan hành chính nhà nước tự thực hiện. Điều này diễn ra cả ở Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Thứ hai, khi tiến hành các hoạt động đánh giá, các quốc gia khác nhau có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong việc xác định nội dung đánh giá. Có quốc gia như Hàn Quốc rất quan tâm tới việc đánh giá tổng thể hiệu quả hoạt động thi hành pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước (nhất là hiệu quả hoạt động của các bộ và chính quyền địa phương), ở Trung Quốc, việc đánh giá hiệu quả quản lý của chính quyền cấp tỉnh lại rất được quan tâm. Trong khi đó, có quốc gia (chẳng hạn, Hoa Kỳ) lại đặc biệt quan tâm tới việc đánh giá hiệu quả thực hiện của từng chương trình cụ thể trong các chương trình hoạt động mà mỗi cơ quan hành chính phải thực hiện hằng năm.

Như vậy, cho tới nay, chưa có một khung đánh giá và cách tiếp cận thống nhất trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước hoặc hiệu quả hoạt động thi hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước ở các quốc gia trên thế giới. Điều này cũng có nghĩa rằng, tùy theo yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, điều kiện cụ thể về kinh tế, chính trị, xã hội, mức độ phát triển của khoa học quản lý hành chính (hành chính công) và khoa học pháp lý mà các quốc gia có thể tự xây dựng, thiết kế khung đánh giá, nội dung đánh giá, phạm vi đánh giá cho phù hợp.

Thứ ba, để tiến hành hoạt động đánh giá, các quốc gia đã rất quan tâm chú ý xây dựng bộ công cụ đánh giá. Tuy nhiên, mỗi quốc gia khác nhau lại sử dụng những bộ công cụ khác nhau. Điều đó phụ thuộc vào mục tiêu, yêu cầu của công tác đánh giá và khả năng đo lường, đánh giá trong thực tiễn. Có quốc gia sử dụng các tiêu chí mang tính chất định tính (chẳng hạn, Trung Quốc, mặc dù đó là các tiêu chí rất toàn diện), nhưng có quốc gia (chẳng hạn, Hoa Kỳ) sử dụng các tiêu chí cùng với các chỉ số mang tính định lượng rất cao.

Mặc dù vậy, cho tới nay, chưa có quốc gia nào xây dựng được bộ chỉ số chung để đo lường toàn diện hiệu quả hoạt động thi hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước.

Thứ tư, kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc đánh giá hiệu quả hoạt động nói chung hoặc hiệu quả thi hành pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước nói riêng là hoạt động rất có ý nghĩa. Hoạt động này trước hết xuất phát từ nhu cầu cải cách, đổi mới và quản lý, chỉ đạo, điều hành của nội thân nền hành chính nhà nước. Khi được công chúng hoặc các tổ chức do dân chúng tự lập thực hiện, đây còn là một hình thức thực hiện quyền dân chủ của công dân. Để việc đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước được khách quan, toàn diện, có sức thuyết phục, làm cơ sở cho các hoạt động quản lý, điều hành của nhà nước, phục vụ các chương trình cải cách, đổi mới, các chủ thể tiến hành đánh giá cần được trang bị bộ tiêu chí hoặc bộ chỉ số đánh giá được thiết kế một cách khoa học. Tuy nhiên, cho đến nay, hệ tiêu chí hoặc bộ chỉ số như vậy ở Việt Nam vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền, các viện nghiên cứu hoặc các chủ thể có liên quan khác thiết kế, xây dựng. Xuất phát từ thực tế này, việc nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước là rất cần trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam đang tích cực triển khai chương trình cải cách hành chính theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08-11-2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 13-6-2013. Hoạt động này cũng góp phần thiết thực phục vụ việc triển khai các chủ trương về đổi mới tổ chức và hoạt động của nền hành chính nói chung và các cơ quan hành chính nhà nước nói riêng đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI khẳng định, cũng như góp phần thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật của Bộ Tư pháp theo Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13-3-2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp và các văn bản có liên quan.